

Số: 294/ĐA-UBND

Bắc Kạn, ngày 24 tháng 4 năm 2025

ĐỀ ÁN
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
CỦA TỈNH BẮC KẠN NĂM 2025

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư: Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Nghị quyết số 53-NQ/TU ngày 16/4/2025 Hội nghị lần thứ 19 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn (khóa XII). Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bắc Kạn xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025 như sau:

Phần I

CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.
- Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

5. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.

6. Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025.

7. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH BẮC KẠN

Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (Nghị quyết số 18-NQ/TW) đã đưa ra mục tiêu cụ thể của giai đoạn 2021-2030 là *“Cơ bản hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, xã và thôn, tổ dân phố theo tiêu chuẩn quy định”*. Đồng thời, Nghị quyết số 18-NQ/TW đã đưa ra giải pháp, nhiệm vụ cụ thể *“Từng bước sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật; khuyến khích sáp nhập, tăng quy mô các đơn vị hành chính các cấp ở những nơi có đủ điều kiện để nâng cao năng lực quản lý, điều hành và tăng cường các nguồn lực của địa phương”*.

Bắc Kạn là tỉnh thuộc vùng trung du và miền núi phía Bắc. Phía Bắc giáp các huyện Bảo Lạc, Nguyên Bình, Thạch An, tỉnh Cao Bằng; phía Đông giáp các huyện Trảng Định, Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn; phía Nam giáp các huyện Võ Nhai, Phú Lương, Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên; phía Tây giáp các huyện Na Hang, Chiêm Hóa, Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Tỉnh Bắc Kạn có 07 huyện, 01 thành phố với 108 xã, phường, thị trấn; diện tích toàn tỉnh là 4.853,25 km², dân số 365.318 người, gồm 08 dân tộc chủ yếu (gồm: Tày, Nùng, Kinh, Dao, Mông, Hoa, Sán Dìu và Sán Chay); có 89,5% là người dân tộc thiểu số. Trong quá trình phát triển của tỉnh, các ĐVHC cấp xã của tỉnh Bắc Kạn đã được điều chỉnh, sắp xếp cho phù hợp với từng giai đoạn lịch sử và đã có hiệu quả tích cực, góp phần phát huy nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm giữ vững quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực trạng các ĐVHC cấp xã tỉnh Bắc Kạn không đồng đều về quy mô dân số và diện tích (*một số ĐVHC có quy mô khá lớn, trong khi đó một số ĐVHC có quy mô quá nhỏ cả về dân số và diện tích*) không gian phát triển bị chia cắt, gây nhiều khó khăn, cản trở trong công tác lập kế hoạch, quy hoạch dài hạn, định hướng phát triển kinh tế - xã hội tầm vĩ mô; nguồn lực của nhà nước cho phát triển kinh tế - xã hội bị phân tán, nhất là trong điều kiện Trung ương đang đẩy mạnh phân cấp, trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho chính quyền địa phương; ngân sách nhà nước chi cho hoạt động bộ máy, xây dựng trụ sở, mua sắm trang thiết bị làm việc... bị dàn trải, phân tán trong điều kiện thu ngân sách của địa phương không đủ cân đối chi thường xuyên, phải do Trung ương hỗ trợ.

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, xuất phát từ thực trạng tổ chức các ĐVHC trên địa bàn tỉnh, việc sắp xếp lại các ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo hướng tăng quy mô dân số, diện tích tự nhiên cho cấp xã, nhằm góp phần tinh gọn tổ chức, bộ máy, giảm đầu mối, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; tạo điều kiện tập trung khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế sẵn có, các thế mạnh kinh tế, đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững; đảm bảo tiêu chuẩn ĐVHC cấp xã theo quy định, việc xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Bắc Kạn năm 2025 là yêu cầu cấp thiết, phù hợp với tinh thần chỉ đạo của Trung ương, chỉ đạo của tỉnh và phù hợp với thực tế xu hướng phát triển khách quan của tỉnh và của cả nước.

Phần II

HIỆN TRẠNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CỦA TỈNH BẮC KẠN

1. Thông tin chung¹

1.1. Về diện tích tự nhiên: 4.853,25 km² đạt 60,67% tiêu chuẩn ĐVHC cấp tỉnh theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

1.2. Về quy mô dân số: 365.318 người đạt 162,3% tiêu chuẩn theo tỷ lệ quy đổi tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15; trong đó, người dân tộc thiểu số 315.284 người (chiếm 89,5%).

Điều 3a Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 quy định: “1. Đơn vị hành chính nông thôn có 30% dân số là người dân tộc thiểu số ở miền núi, vùng cao hoặc có đường biên giới quốc gia thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn quy mô dân số bằng 50% mức quy định đối với đơn vị hành chính nông thôn tương ứng; cứ thêm 10% dân số là người dân tộc thiểu số thì được giảm thêm 5% nhưng tối thiểu phải đạt 20% mức quy định đối với đơn vị hành chính nông thôn tương ứng”. Các xã hình thành sau sắp xếp thuộc tỉnh Bắc Kạn đều có trên 80% dân số là người dân tộc thiểu số, tương ứng giảm 75% so với tiêu chuẩn. Do vậy, quy mô dân số quy đổi theo người dân tộc thiểu số đối với xã miền núi, vùng cao là 1.250 người/xã trở lên.

1.3. Số lượng ĐVHC cấp huyện: 08 ĐVHC cấp huyện, gồm: 01 thành phố (thành phố Bắc Kạn) và 07 huyện (Pác Nặm, Ba Bể, Ngân Sơn, Chợ Đồn, Bạch Thông, Na Rì, Chợ Mới).

1.4. Số lượng ĐVHC cấp xã: 108 ĐVHC, gồm: 95 xã, 06 phường, 07 thị trấn. Cụ thể:

- Huyện Ba Bể có 15 ĐVHC cấp xã, gồm: 14 xã, 01 thị trấn;

¹ Số liệu về diện tích tự nhiên, quy mô dân số tính đến thời điểm ngày 31/12/2024

- Huyện Bạch Thông có 14 ĐVHC cấp xã, gồm: 13 xã, 01 thị trấn;
- Huyện Chợ Đồn có 20 ĐVHC cấp xã, gồm: 19 xã, 01 thị trấn;
- Huyện Chợ Mới có 14 ĐVHC cấp xã, gồm: 13 xã, 01 thị trấn.
- Huyện Na Rì có 17 ĐVHC cấp xã, gồm: 16 xã, 01 thị trấn;
- Huyện Ngân Sơn có 10 ĐVHC cấp xã, gồm: 08 xã, 02 thị trấn;
- Huyện Pác Nặm có 10 ĐVHC cấp xã, gồm: 10 xã;
- Thành phố Bắc Kạn có 08 ĐVHC cấp xã, gồm: 02 xã, 06 phường.

2. Số lượng ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp: 108/108 ĐVHC cấp xã.

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH BẮC KẠN

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

Sắp xếp 108 ĐVHC cấp xã thành 37 ĐVHC cấp xã mới; trong đó 35 xã và 02 phường, giảm 65,74% ĐVHC cấp xã so với hiện tại, cụ thể như sau:

1. Thành lập xã Bằng Thành trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã: Xã Bằng Thành, xã Bộc Bó, xã Nhận Môn, xã Giáo Hiệu

Thành lập xã Bằng Thành trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Bằng Thành (có diện tích tự nhiên là 83,54 km², quy mô dân số là 4.267 người), xã Bộc Bó (có diện tích tự nhiên là 53,36 km², quy mô dân số là 5.175 người), xã Nhận Môn (có diện tích tự nhiên là 43,67 km², quy mô dân số là 2.381 người) và xã Giáo Hiệu (có diện tích tự nhiên là 27,65 km², quy mô dân số là 2.161 người) của huyện Pác Nặm để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Bằng Thành có: Diện tích tự nhiên 208,22 km² (đạt 208% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 13.984 người (đạt 1.119% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Cao Minh, xã Nghiên Loan và giáp với tỉnh Cao Bằng;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Bằng Thành: Tại xã Bộc Bó hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liền kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Bằng Thành: Là tên gọi lịch sử của địa phương;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Bộc Bó hiện nay: Là trung tâm hành chính của huyện Pác Nặm hiện tại, có kết cấu hạ tầng kỹ thuật khá đồng bộ, thuận lợi cho việc đặt trung tâm của ĐVHC mới, tận dụng tối đa cơ sở vật chất, có trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân.

2. Thành lập xã Nghiên Loan trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã: Xã Xuân La, xã An Thắng và xã Nghiên Loan

Thành lập xã Nghiên Loan trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Xuân La (có diện tích tự nhiên là 39,70 km², quy mô dân số là 3.267 người), xã An Thắng (có diện tích tự nhiên là 33,20 km², quy mô dân số là 1.510 người) và xã Nghiên Loan (có diện tích tự nhiên là 57,43 km², quy mô dân số là 6.263 người) của huyện Pác Nặm để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Nghiên Loan có: Diện tích tự nhiên 130,33 km² (đạt 130% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 11.040 người (đạt 883% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Bằng Thành, xã Cao Minh, xã Ba Bể, xã Chợ Rã, xã Phúc Lộc và giáp với tỉnh Cao Bằng;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Nghiên Loan: Tại xã Nghiên Loan hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liền kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Nghiên Loan: Được đặt theo tên một trong các ĐVHC cấp xã trước sắp xếp;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Nghiên Loan hiện nay: Có trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân; có diện tích đất lớn và tương đối bằng phẳng đáp ứng các điều kiện về quy hoạch và mở rộng không gian phát triển trong tương lai.

3. Thành lập xã Cao Minh trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã: Xã Công Bằng, xã Cổ Linh và xã Cao Tân

Thành lập xã Cao Minh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Công Bằng (có diện tích tự nhiên là 54,08 km², quy mô dân số là 3.379 người), xã Cổ Linh (có diện tích tự nhiên là 39,68 km², quy mô dân số là 4.827 người)

và xã Cao Tân (có diện tích tự nhiên là 41,13 km², quy mô dân số là 4.601 người) của huyện Pác Nặm để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Cao Minh có: Diện tích tự nhiên 134,89 km² (đạt 135% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 12.807 người (đạt 1.025% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Bằng Thành, xã Nghiên Loan, xã Ba Bể và giáp với tỉnh Cao Bằng, tỉnh Tuyên Quang;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Cao Minh: Tại xã Cổ Linh hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liền kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Cao Minh: Kế thừa tên ĐVHC trong lịch sử;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Cổ Linh hiện nay: Là trung tâm của 03 xã, có trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân; có quỹ đất để quy hoạch và mở rộng không gian phát triển trong tương lai.

4. Thành lập xã Ba Bể trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã: Xã Cao Thượng, xã Nam Mẫu và xã Khang Ninh

Thành lập xã Ba Bể trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Cao Thượng (có diện tích tự nhiên là 39,25 km², quy mô dân số là 4.416 người), xã Nam Mẫu (có diện tích tự nhiên là 64,46 km², quy mô dân số là 2.717 người) và xã Khang Ninh (có diện tích tự nhiên là 44,37 km², quy mô dân số là 4.640 người) của huyện Ba Bể để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Ba Bể có: Diện tích tự nhiên 148,08 km² (đạt 148% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 11.773 người (đạt 942% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Cao Minh, xã Nghiên Loan, xã Chợ Rã, xã Đồng Phúc, xã Nam Cường và giáp với tỉnh Tuyên Quang;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Ba Bể: Tại xã Khang Ninh hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liền kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của địa phương;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Ba Bể: Kế thừa lịch sử, truyền thống về tên hành chính cấp huyện; do Hồ Ba Bể nằm trọn trong địa phận của 03

xã Cao Thượng, Khang Ninh và Nam Mẫu, việc giữ lại tên Ba Bể là thương hiệu cho phát triển du lịch khi tên Hồ Ba Bể đã nổi tiếng trong nước và quốc tế;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Khang Ninh hiện nay: Có trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân; có diện tích đất lớn và tương đối bằng phẳng đáp ứng các điều kiện về quy hoạch và mở rộng không gian phát triển trong tương lai.

5. Thành lập xã Chợ Rã trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã: Xã Thượng Giáo, thị trấn Chợ Rã và xã Địa Linh

Thành lập xã Chợ Rã trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thượng Giáo (có diện tích tự nhiên là 57,06 km², quy mô dân số là 6.008 người), thị trấn Chợ Rã (có diện tích tự nhiên là 4,58 km², quy mô dân số là 4.705 người) và xã Địa Linh (có diện tích tự nhiên là 31,17 km², quy mô dân số là 3.794 người) của huyện Ba Bể để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Chợ Rã có: Diện tích tự nhiên 92,81 km² (đạt 93% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 14.507 người (đạt 1.161% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Nghiên Loan, xã Ba Bể, xã Đồng Phúc, xã Thượng Minh, xã Phúc Lộc;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Chợ Rã: Tại xã Thượng Giáo hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liền kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Chợ Rã: Tên gọi Chợ Rã đảm bảo nguyên tắc đặt tên ĐVHC có giá trị lịch sử, truyền thống, văn hóa. Nguồn gốc Châu Chợ Rã - Châu lị Chợ Rã (nay là huyện Ba Bể), nơi sớm có phong trào Việt Minh phát triển mạnh trong đồng bào các dân tộc;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Thượng Giáo hiện nay: Là trung tâm hành chính của huyện Ba Bể hiện tại, có kết cấu hạ tầng kỹ thuật khá đồng bộ, thuận lợi cho việc đặt trung tâm của ĐVHC mới, tận dụng tối đa cơ sở vật chất; có trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân.

6. Thành lập xã Phúc Lộc trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã: Xã Bành Trạch, xã Phúc Lộc và xã Hà Hiệu

Thành lập xã Phúc Lộc trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Bành Trạch (có diện tích tự nhiên là 59,59 km², quy mô dân số là 3.382 người), xã Phúc Lộc (có diện tích tự nhiên là 63,22 km², quy mô dân số là 3.812 người)

và xã Hà Hiệu (có diện tích tự nhiên là 40,25 km², quy mô dân số là 3.160 người) của huyện Ba Bể để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Phúc Lộc có: Diện tích tự nhiên 163,06 km² (đạt 163% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 10.354 người (đạt 828% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Nghiên Loan, xã Chợ Rã, xã Thượng Minh, xã Nà Phặc, xã Ngân Sơn và giáp với tỉnh Cao Bằng;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Phúc Lộc: Tại xã Phúc Lộc hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liên kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Phúc Lộc (ĐVHC trước sắp xếp): Là tên ĐVHC cấp xã cũ, đảm bảo nguyên tắc đặt tên ĐVHC có giá trị lịch sử, truyền thống, văn hóa, tạo sự đồng thuận cho người dân;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Phúc Lộc hiện nay: Là trung tâm của 03 xã, có trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân; có quỹ đất để mở rộng không gian phát triển trong tương lai.

7. Thành lập xã Thượng Minh trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã: Xã Yên Dương, xã Chu Hương và xã Mỹ Phương

Thành lập xã Thượng Minh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Yên Dương (có diện tích tự nhiên là 39,80 km², quy mô dân số là 2.892 người), xã Chu Hương (có diện tích tự nhiên là 34,85 km², quy mô dân số là 3.753 người) và xã Mỹ Phương (có diện tích tự nhiên là 57 km², quy mô dân số là 4.385 người) của huyện Ba Bể để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Thượng Minh có: Diện tích tự nhiên 131,64 km² (đạt 132% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 11.030 người (đạt 915% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Phúc Lộc, xã Chợ Rã, xã Đồng Phúc, xã Phú Thông, xã Hiệp Lực, xã Nà Phặc;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Thượng Minh: Tại xã Chu Hương hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liên kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Thượng Minh: Tên gọi Thượng Minh là tên gọi cũ của 03 xã Yên Dương, Chu Hương, Mỹ Phương; đảm bảo nguyên tắc đặt tên ĐVHC có giá trị lịch sử, truyền thống, văn hóa;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Chu Hương hiện nay: Có trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân; có quỹ đất để quy hoạch và mở rộng không gian phát triển trong tương lai.

8. Thành lập xã Đồng Phúc trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã: Xã Quảng Khê, xã Hoàng Trĩ, xã Đồng Phúc và xã Bằng Phúc

Thành lập xã Đồng Phúc trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 03 xã thuộc huyện Ba Bể: Quảng Khê (có diện tích tự nhiên là 55,16 km², quy mô dân số là 4.001 người), Hoàng Trĩ (có diện tích tự nhiên là 35,30 km², quy mô dân số là 1.456 người), Đồng Phúc (có diện tích tự nhiên là 58,61 km², quy mô dân số là 3.188 người) và xã Bằng Phúc thuộc huyện Chợ Đồn (có diện tích tự nhiên là 50,03 km², quy mô dân số là 3.077 người) để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Đồng Phúc có: Diện tích tự nhiên 199,11 km² (đạt 199% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 11.722 người (đạt 938% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Chợ Rã, xã Ba Bể, xã Nam Cường, xã Quảng Bạch, xã Chợ Đồn, xã Bạch Thông, xã Phong Quang, xã Phú Thông, xã Thượng Minh;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Đồng Phúc: Tại xã Đồng Phúc hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liên kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Đồng Phúc: Được đặt theo tên ĐVHC cấp xã trước sắp xếp, tạo sự đồng thuận cho người dân;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Đồng Phúc hiện nay: Có trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân; có quỹ đất để quy hoạch và mở rộng không gian phát triển trong tương lai.

9. Thành lập xã Thượng Quan trên cơ sở nguyên trạng xã Thượng Quan

Thành lập xã Thượng Quan trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thượng Quan hiện tại (có diện tích tự nhiên là 154,86 km², quy mô dân số là 3.753 người) của huyện Ngân Sơn để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Thượng Quan có: Diện tích tự nhiên 154,86 km² (đạt 155% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 3.753 người (đạt 300% so với tiêu chuẩn);
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Ngân Sơn, xã Nà Phặc, xã Hiệp Lực, xã Văn Lang, xã Cường Lợi và giáp với tỉnh Cao Bằng;
- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Thượng Quan: Tại xã Thượng Quan hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Giữ nguyên trạng xã Thượng Quan, thuộc huyện Ngân Sơn do ĐVHC có vị trí biệt lập và khó tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với các ĐVHC liên kề, thuộc huyện nghèo theo Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ (về quy mô dân số quy đổi theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đạt 300% so với tiêu chuẩn, diện tích đạt 155% so với tiêu chuẩn);
- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Thượng Quan: Tên ĐVHC cấp xã hiện tại;
- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Thượng Quan hiện nay: Do giữ nguyên trạng xã Thượng Quan, không thực hiện sắp xếp với ĐVHC cấp xã khác.

10. Thành lập xã Bằng Vân trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã: Xã Thượng Ân và xã Bằng Vân

Thành lập xã Bằng Vân trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thượng Ân (có diện tích tự nhiên là 66,78 km², quy mô dân số là 2.168 người) và xã Bằng Vân (có diện tích tự nhiên là 66,23 km², quy mô dân số là 3.475 người) của huyện Ngân Sơn để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Bằng Vân có: Diện tích tự nhiên 133,01 km² (đạt 133% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 5.643 người (đạt 451% so với tiêu chuẩn);
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Ngân Sơn và giáp với tỉnh Cao Bằng;
- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Bằng Vân: Tại xã Bằng Vân hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liên kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;
- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Bằng Vân: Được đặt theo tên một trong các ĐVHC cấp xã trước sắp xếp;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Bằng Vân hiện nay: Có trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân; có diện tích đất lớn và tương đối bằng phẳng đáp ứng các điều kiện về quy hoạch và mở rộng không gian phát triển trong tương lai.

11. Thành lập xã Ngân Sơn trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã: Xã Cốc Đán, thị trấn Vân Tùng và xã Đức Vân

Thành lập xã Ngân Sơn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Cốc Đán (có diện tích tự nhiên là 65,91 km², quy mô dân số là 2.849 người), xã Đức Vân (có diện tích tự nhiên là 28,64 km², quy mô dân số là 1.641 người) và thị trấn Vân Tùng (có diện tích tự nhiên là 51,01 km², quy mô dân số là 3.770 người) của huyện Ngân Sơn để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Ngân Sơn có: Diện tích tự nhiên 145,57 km² (đạt 146% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 8.260 người (đạt 661% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Phúc Lộc, xã Nà Phặc, xã Thượng Quan, xã Bằng Vân và giáp với tỉnh Cao Bằng;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Ngân Sơn: Tại thị trấn Vân Tùng hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liên kề, kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Ngân Sơn: Kế thừa lịch sử, truyền thống về tên hành chính cấp huyện, nhằm lưu giữ tên gọi của huyện Ngân Sơn, tạo sự đồng thuận của người dân;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại thị trấn Vân Tùng hiện nay: Là trung tâm hành chính của huyện Ngân Sơn hiện tại, có kết cấu hạ tầng kỹ thuật khá đồng bộ, thuận lợi cho việc đặt trung tâm của ĐVHC mới, tận dụng tối đa cơ sở vật chất, có trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân.

12. Thành lập xã Nà Phặc trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã: Xã Trung Hòa và thị trấn Nà Phặc

Thành lập xã Nà Phặc trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Trung Hòa (có diện tích tự nhiên là 38,41 km², quy mô dân số là 1.563 người) và thị trấn Nà Phặc (có diện tích tự nhiên là 62,77 km², quy mô dân số là 7.668 người) của huyện Ngân Sơn để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Nà Phặc có: Diện tích tự nhiên 101,18 km² (đạt 101% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 9.231 người (đạt 738% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Ngân Sơn, xã Phúc Lộc, xã Thượng Minh, xã Hiệp Lực, xã Thượng Quan;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Nà Phặc: Tại thị trấn Nà Phặc hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liên kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Nà Phặc: Được đặt theo tên ĐVHC cấp xã trước sắp xếp, tạo sự đồng thuận của người dân;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại thị trấn Nà Phặc hiện nay: Thị trấn Nà Phặc hiện tại đã được đầu tư khá đồng bộ về kết cấu hạ tầng, thuận lợi cho việc đặt trung tâm ĐVHC mới, có trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân; có diện tích đất lớn và tương đối bằng phẳng đáp ứng các điều kiện về quy hoạch và mở rộng không gian phát triển trong tương lai.

13. Thành lập xã Hiệp Lực trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã: Xã Thuần Mang và xã Hiệp Lực

Thành lập xã Hiệp Lực trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thuần Mang (có diện tích tự nhiên là 53,07 km², quy mô dân số là 2.705 người) và xã Hiệp Lực (có diện tích tự nhiên là 51,95 km², quy mô dân số là 4.612 người) của huyện Ngân Sơn để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Hiệp Lực có: Diện tích tự nhiên 105,02 km² (đạt 105% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 7.317 người (đạt 585% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Nà Phặc, xã Thượng Minh, xã Phú Thông, xã Vĩnh Thông, xã Văn Lang, xã Thượng Quan;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Hiệp Lực: Tại xã Hiệp Lực hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liên kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Hiệp Lực: Kế thừa tên ĐVHC sau sắp xếp theo Nghị quyết số 855/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các ĐVHC cấp xã thuộc tỉnh Bắc Kạn;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Hiệp Lực hiện nay: Có trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền

cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân; có quỹ đất để quy hoạch và mở rộng không gian phát triển trong tương lai.

14. Thành lập xã Nam Cường trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã: Xã Xuân Lạc, xã Nam Cường và xã Đồng Lạc

Thành lập xã Nam Cường trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Xuân Lạc (có diện tích tự nhiên là 84,95 km², quy mô dân số là 4.467 người), xã Nam Cường (có diện tích tự nhiên là 32,25 km², quy mô dân số là 3.766 người) và xã Đồng Lạc (có diện tích tự nhiên là 32,45 km², quy mô dân số là 2.560 người) của huyện Chợ Đồn để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Nam Cường có: Diện tích tự nhiên 149,65 km² (đạt 150% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 10.793 người (đạt 863% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Ba Bể, xã Đồng Phúc, xã Quảng Bạch, xã Yên Thịnh và giáp với tỉnh Tuyên Quang;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Nam Cường: Tại xã Nam Cường hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liên kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Nam Cường: Được đặt theo tên ĐVHC cấp xã trước sắp xếp, tạo sự đồng thuận của người dân;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Nam Cường hiện nay: Nam Cường có chợ trung tâm, có trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân; có diện tích đất lớn và tương đối bằng phẳng để quy hoạch và mở rộng không gian phát triển trong tương lai.

15. Thành lập xã Quảng Bạch trên nhập 02 ĐVHC cấp xã: Xã Quảng Bạch và xã Tân Lập

Thành lập xã Quảng Bạch trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quảng Bạch (có diện tích tự nhiên là 43,21 km², quy mô dân số là 2.078 người) và xã Tân Lập (có diện tích tự nhiên là 32,01 km², quy mô dân số là 1.737 người) của huyện Chợ Đồn để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Quảng Bạch có: Diện tích tự nhiên 75,22 km² (đạt 75% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 3.815 người (đạt 305% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đồng Phúc, xã Nam Cường, xã Yên Thịnh, xã Chợ Đồn;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Quảng Bạch: Tại xã Quảng Bạch hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Xã Quảng Bạch sau sắp xếp vượt cao về tiêu chuẩn dân số (đạt 305% so với tiêu chuẩn). Tuy chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích (75% so với tiêu chuẩn) nhưng xã Tân Lập có vị trí biệt lập, địa hình chia cắt, khó tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với các ĐVHC cấp xã liên kề, chỉ có một con đường độc đạo nối liền 02 xã (Quảng Bạch và Tân Lập) nên chỉ có thể sắp xếp với xã Quảng Bạch (liên kề). Hai xã có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng, có vị trí địa lý liên kề kết nối giao thông thuận lợi. Mặt khác, toàn tỉnh đã giảm 65,74% tổng số ĐVHC cấp xã so với trước sắp xếp theo đúng định hướng của Trung ương, trung bình một ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đã đạt diện tích trên 130 km² và dân số trung bình đã đạt gần 9.000 người;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Quảng Bạch: Được đặt theo tên ĐVHC cấp xã trước sắp xếp, tạo sự đồng thuận của người dân;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Quảng Bạch hiện nay: Có trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân; có quỹ đất để quy hoạch và mở rộng không gian phát triển trong tương lai.

16. Thành lập xã Yên Thịnh trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã: Xã Bản Thi, xã Yên Thịnh và xã Yên Thượng

Thành lập xã Yên Thịnh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Bản Thi (có diện tích tự nhiên là 64,92 km², quy mô dân số là 1.970 người), xã Yên Thịnh (có diện tích tự nhiên là 51,12 km², quy mô dân số là 1.957 người) và xã Yên Thượng (có diện tích tự nhiên là 49,77 km², quy mô dân số là 1.549 người) của huyện Chợ Đồn để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Yên Thịnh có: Diện tích tự nhiên 165,80 km² (đạt 166% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 5.476 người (đạt 438% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Nam Cường, xã Quảng Bạch, xã Chợ Đồn, xã Nghĩa Tá và giáp với tỉnh Tuyên Quang;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Yên Thịnh: Tại xã Yên Thịnh hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liên kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Yên Thịnh: Được đặt theo tên ĐVHC cấp xã trước sắp xếp, tạo sự đồng thuận của người dân;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Yên Thịnh hiện nay: Có trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân; có quỹ đất để quy hoạch và mở rộng không gian phát triển trong tương lai.

17. Thành lập xã Chợ Đồn trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã: Xã Ngọc Phái, xã Phương Viên, thị trấn Bằng Lũng và xã Bằng Lãng

Thành lập xã Chợ Đồn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Ngọc Phái (có diện tích tự nhiên là 40,45 km², quy mô dân số là 2.622 người), xã Phương Viên (có diện tích tự nhiên là 37,58 km², quy mô dân số là 3.839 người), thị trấn Bằng Lũng (có diện tích tự nhiên là 24,90 km², quy mô dân số là 7.694 người) và xã Bằng Lãng (có diện tích tự nhiên là 39,17 km², quy mô dân số là 2.097 người) của huyện Chợ Đồn để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Chợ Đồn có: Diện tích tự nhiên 142,10 km² (đạt 142% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 16.252 người (đạt 1.300% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Quảng Bạch, xã Yên Thịnh, xã Nghĩa Tá, xã Yên Phong, xã Bạch Thông và xã Đồng Phúc;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Chợ Đồn: Tại thị trấn Bằng Lũng hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liền kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Chợ Đồn: Kế thừa lịch sử, truyền thống về tên hành chính cấp huyện, mục đích lưu giữ tên gọi của huyện Chợ Đồn hiện tại;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại thị trấn Bằng Lũng hiện nay: Là trung tâm hành chính của huyện Chợ Đồn hiện tại, có kết cấu hạ tầng kỹ thuật khá đồng bộ, thuận lợi cho việc đặt trung tâm của ĐVHC mới, tận dụng tối đa cơ sở vật chất, có trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân.

18. Thành lập xã Yên Phong trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã: Xã Đại Sảo, xã Yên Mỹ và xã Yên Phong

Thành lập xã Yên Phong trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Đại Sảo (có diện tích tự nhiên là 32,58 km², quy mô dân số là 2.253 người), xã Yên Mỹ (có diện tích tự nhiên là 36,97 km², quy mô dân số là 1.764 người) và xã

Yên Phong (có diện tích tự nhiên là 46,43 km², quy mô dân số là 3.362 người) của huyện Chợ Đồn để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Yên Phong có: Diện tích tự nhiên 115,98 km² (đạt 116% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 7.379 người (đạt 590% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Chợ Đồn, xã Nghĩa Tá, xã Bạch Thông, xã Thanh Mai và giáp với tỉnh Thái Nguyên;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Yên Phong: Tại xã Yên Phong hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liền kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Yên Phong: Kế thừa tên ĐVHC sau sắp xếp theo Nghị quyết số 855/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các ĐVHC cấp xã thuộc tỉnh Bắc Kạn, tạo sự đồng thuận của người dân.

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Yên Phong hiện nay: Có vị trí ở trung tâm của ĐVHC xã mới, trục đường giao thông thuận tiện, giúp cho người dân thuận lợi trong việc giao dịch với chính quyền cơ sở; có quỹ đất để quy hoạch và mở rộng không gian phát triển trong tương lai.

19. Thành lập xã Nghĩa Tá trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã: Xã Lương Bằng, xã Nghĩa Tá và xã Bình Trung

Thành lập xã Nghĩa Tá trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lương Bằng (có diện tích tự nhiên là 61,09 km², quy mô dân số là 2.275 người), xã Nghĩa Tá (có diện tích tự nhiên là 40,61 km², quy mô dân số là 1.745 người) và xã Bình Trung (có diện tích tự nhiên là 65,18 km², quy mô dân số là 3.767 người) của huyện Chợ Đồn để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Nghĩa Tá có: Diện tích tự nhiên 166,89 km² (đạt 167% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 7.787 người (đạt 623% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Yên Phong, xã Chợ Đồn, xã Yên Thịnh, giáp với tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Thái Nguyên;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Nghĩa Tá: Tại xã Nghĩa Tá hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liền kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Nghĩa Tá: Được đặt theo tên ĐVHC cấp xã trước sắp xếp, tạo sự đồng thuận của người dân;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Nghĩa Tá hiện nay: Có vị trí ở trung tâm của ĐVHC mới, trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân; có quỹ đất để quy hoạch và mở rộng không gian phát triển trong tương lai.

20. Thành lập xã Phủ Thông trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã: Xã Vi Hương, thị trấn Phủ Thông, xã Tân Tú và xã Lục Bình

Thành lập xã Phủ Thông trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Vi Hương (có diện tích tự nhiên là 21,50 km², quy mô dân số là 2.756 người), thị trấn Phủ Thông (có diện tích tự nhiên là 22 km², quy mô dân số là 3.781 người), xã Tân Tú (có diện tích tự nhiên là 25,14 km², quy mô dân số là 3.957 người) và xã Lục Bình (có diện tích tự nhiên là 28,31 km², quy mô dân số là 2.826 người) của huyện Bạch Thông để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Phủ Thông có: Diện tích tự nhiên 96,94 km² (đạt 97% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 13.320 người (đạt 1.066% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Hiệp Lực, xã Thượng Minh, xã Đồng Phúc, xã Phong Quang, xã Cẩm Giàng, xã Vĩnh Thông;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Phủ Thông: Tại thị trấn Phủ Thông hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liền kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Phủ Thông: Kế thừa lịch sử, truyền thống về tên hành chính cấp xã, tên Phủ Thông, gắn liền với chiến thắng Phủ Thông trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Ngày 27/3/1998, Đồn Phủ Thông được Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử cấp quốc gia;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại thị trấn Phủ Thông hiện nay: Là trung tâm hành chính của huyện Bạch Thông hiện tại, có kết cấu hạ tầng kỹ thuật khá đồng bộ, thuận lợi cho việc đặt trung tâm của ĐVHC mới, tận dụng tối đa cơ sở

vật chất, có trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân.

21. Thành lập xã Cẩm Giàng trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã: Xã Quân Hà, xã Cẩm Giàng, xã Nguyên Phúc và xã Mỹ Thanh

Thành lập xã Cẩm Giàng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quân Hà (có diện tích tự nhiên là 21,14 km², quy mô dân số là 4.263 người), xã Cẩm Giàng (có diện tích tự nhiên là 9,21 km², quy mô dân số là 2.532 người), xã Nguyên Phúc (có diện tích tự nhiên là 47,31 km², quy mô dân số là 2.203 người) và xã Mỹ Thanh (có diện tích tự nhiên là 33,13 km², quy mô dân số là 2.344 người) của huyện Bạch Thông để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Cẩm Giàng có: Diện tích tự nhiên 110,79 km² (đạt 111% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 11.342 người (đạt 907% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Vĩnh Thông, xã Phú Thông, xã Phong Quang, phường Đức Xuân, phường Bắc Kạn, xã Tân Kỳ, xã Côn Minh;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Cẩm Giàng: Tại xã Cẩm Giàng hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liền kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Cẩm Giàng: Kế thừa lịch sử, truyền thống về tên hành chính cấp xã. Xã Cẩm Giàng gắn với di tích lịch sử Nhà Tu và bốn câu thơ nổi tiếng mà Bác Hồ tặng Thanh niên Xung phong “*Không có việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền, đào núi và lấp biển, quyết chí ắt làm nên*”, tạo sự đồng thuận của người dân;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Cẩm Giàng hiện nay: Có trục đường giao thông quốc lộ 3, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân; có quỹ đất lớn để quy hoạch và mở rộng không gian phát triển trong tương lai. Riêng xã Mỹ Thanh hiện tại việc kết nối với xã Nguyên Phúc khá khó khăn, mới chỉ có đường dân sinh, trong tương lai gần, sẽ ưu tiên đầu tư mở đường kết nối từ xã Mỹ Thanh, Nguyên Phúc, Cẩm Giàng để tạo liên kết vùng, thuận lợi cho người dân phát triển kinh tế, xã hội.

22. Thành lập xã Vĩnh Thông trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã: Xã Sỹ Bình, xã Vũ Muộn và xã Cao Sơn

Thành lập xã Vĩnh Thông trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Sỹ Bình (có diện tích tự nhiên là 27,52 km², quy mô dân số là 1.934 người), xã Vũ Muộn (có diện tích tự nhiên là 38,59 km², quy mô dân số là 1.760 người) và xã

Cao Sơn (có diện tích tự nhiên là 63,45 km², quy mô dân số là 937 người) của huyện Bạch Thông để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Vĩnh Thông có: Diện tích tự nhiên 129,55 km² (đạt 130% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 4.631 người (đạt 370% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Hiệp Lực, xã Phú Thông, xã Cẩm Giàng, xã Côn Minh, xã Văn Lang;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Vĩnh Thông: Tại xã Vũ Muộn hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liền kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Vĩnh Thông: Kế thừa lịch sử, truyền thống về tên hành chính cấp xã, tạo sự đồng thuận của người dân;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Vũ Muộn hiện nay: Có vị trí ở trung tâm của ĐVHC mới, trục đường giao thông thuận tiện; đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân; có quỹ đất để quy hoạch và mở rộng không gian phát triển trong tương lai.

23. Thành lập xã Bạch Thông trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã: Xã Đồng Thắng, xã Dương Phong, xã Quang Thuận

Thành lập xã Bạch Thông trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Đồng Thắng thuộc huyện Chợ Đồn (có diện tích tự nhiên là 46,42 km², quy mô dân số là 4.055 người) và 02 xã thuộc huyện Bạch Thông: Dương Phong (có diện tích tự nhiên là 48,92 km², quy mô dân số là 2.050 người), Quang Thuận (có diện tích tự nhiên là 32,50 km², quy mô dân số là 2.146 người) để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Bạch Thông có: Diện tích tự nhiên 127,84 km² (đạt 128% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 8.251 người (đạt 660% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Phong Quang, xã Đồng Phúc, xã Chợ Đồn, xã Yên Phong, xã Thanh Mai, phường Bắc Kạn;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Bạch Thông: Tại xã Dương Phong hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liền kề kết nối giao thông thuận lợi (cả 3 xã trên một trục đường giao thông), phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của địa phương;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Bạch Thông: Kế thừa lịch sử, truyền thống về tên hành chính cấp huyện, mục đích lưu giữ tên gọi của huyện Bạch Thông;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Dương Phong hiện nay: Có vị trí ở trung tâm của ĐVHC mới, trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân; có quỹ đất để quy hoạch và mở rộng không gian phát triển trong tương lai.

24. Thành lập xã Phong Quang trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã: Xã Dương Quang và xã Đôn Phong

Thành lập xã Phong Quang trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Dương Quang thuộc thành phố Bắc Kạn (có diện tích tự nhiên là 25,64 km², quy mô dân số là 3.401 người) và xã Đôn Phong thuộc huyện Bạch Thông (có diện tích tự nhiên là 127,82 km², quy mô dân số là 2.743 người) để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Phong Quang có: Diện tích tự nhiên 153,46 km² (đạt 153% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 6.144 người (đạt 492% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Cẩm Giàng, xã Phú Thông, xã Đồng Phúc, xã Bạch Thông, phường Bắc Kạn, phường Đức Xuân;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Phong Quang: Tại xã Dương Quang hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liền kề kết nối giao thông thuận lợi, có hồ Nặm Cắt là vùng trung tâm của 02 xã, việc sáp nhập nhằm mục đích tạo không gian phát triển về du lịch sinh thái gắn với hồ Nặm Cắt, tạo động lực thu hút đầu tư, phát triển du lịch trong tương lai, góp phần phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao thu nhập của người dân xã sau sáp nhập;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Phong Quang: Kế thừa lịch sử, truyền thống về tên hành chính cấp xã, tạo sự đồng thuận của người dân;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Dương Quang hiện nay: Xã Dương Quang hiện là xã nông thôn mới, đã được đầu tư cơ bản về điện, đường, trường, trạm, gần với các phường thuộc thành phố Bắc Kạn, thuận lợi cho việc đặt trung tâm ĐVHC mới sau sắp xếp, có đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân; có quỹ đất để quy hoạch và mở rộng không gian phát triển trong tương lai.

25. Thành lập phường Đức Xuân trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã: Phường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Huyền Tụng và phường Đức Xuân

Thành lập phường Đức Xuân trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Nguyễn Thị Minh Khai (có diện tích tự nhiên là 12,71 km²,

quy mô dân số là 6.266 người), phường Huyền Tung (có diện tích tự nhiên là 16,20 km², quy mô dân số là 5.278 người) và phường Đức Xuân (có diện tích tự nhiên là 5,55 km², quy mô dân số là 11.116 người) của thành phố Bắc Kạn để thành lập phường mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Phường Đức Xuân có: Diện tích tự nhiên 34,46 km² (đạt 627% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 22.660 người (đạt 151% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Cẩm Giàng, xã Phong Quang, phường Bắc Kạn;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Đức Xuân: Tại phường Đức Xuân hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liên kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của địa phương;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi phường Đức Xuân: Đặt tên ĐVHC có giá trị lịch sử, truyền thống, văn hóa. Đức Xuân gắn liền với tên tuổi nhà cách mạng Đức Xuân (Nông Văn Đàn) đã có công vận động, xây dựng, củng cố phong trào cách mạng tại Bắc Kạn. Năm 1944, đồng chí bị địch sát hại và hy sinh tại xã Quân Bình (nay là xã Quân Hà, huyện Bạch Thông);

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại phường Đức Xuân hiện nay: Do có vị trí ở trung tâm của ĐVHC mới, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân.

26. Thành lập phường Bắc Kạn trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã: Phường Sông Cầu, phường Phùng Chí Kiên, xã Nông Thượng và phường Xuất Hóa

Thành lập phường Bắc Kạn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Sông Cầu (có diện tích tự nhiên là 3,96 km², quy mô dân số là 10.192 người), phường Phùng Chí Kiên (có diện tích tự nhiên là 3,34 km², quy mô dân số là 8.016 người), xã Nông Thượng (có diện tích tự nhiên là 22,08 km², quy mô dân số là 3.811 người) và phường Xuất Hóa (có diện tích tự nhiên là 42,63 km², quy mô dân số là 3.368 người) của thành phố Bắc Kạn để thành lập phường mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Phường Bắc Kạn có: Diện tích tự nhiên 72 km² (đạt 1.309% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 25.387 người (đạt 169% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phường Đức Xuân, xã Phong Quang, xã Bạch Thông, xã Thanh Mai, xã Tân Kỳ, xã Cẩm Giàng;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Bắc Kạn: Tại phường Phùng Chí Kiên, hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liền kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của địa phương;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi phường Bắc Kạn: Tên gọi phường Bắc Kạn mục đích lưu giữ tên gọi thành phố Bắc Kạn và tỉnh Bắc Kạn;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại phường Phùng Chí Kiên hiện nay: Là trung tâm hành chính của thành phố Bắc Kạn hiện tại; là trung tâm hành chính của nhiều cơ quan tỉnh, được đầu tư hạ tầng kỹ thuật khá đồng bộ, thuận lợi cho việc đặt trung tâm của ĐVHC mới, tận dụng tối đa cơ sở vật chất, có trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân.

27. Thành lập xã Văn Lang trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã: Xã Kim Hỷ, xã Lương Thượng và xã Văn Lang

Thành lập xã Văn Lang trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Kim Hỷ (có diện tích tự nhiên là 76,24 km², quy mô dân số là 1.958 người), xã Lương Thượng (có diện tích tự nhiên là 38,55 km², quy mô dân số là 2.348 người) và xã Văn Lang (có diện tích tự nhiên là 56,81 km², quy mô dân số là 3.252 người) của huyện Na Rì để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Văn Lang có: Diện tích tự nhiên 171,59 km² (đạt 172% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 7.558 người (đạt 605% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Thượng Quan, xã Hiệp Lực, xã Vĩnh Thông, xã Côn Minh, xã Trần Phú, xã Na Rì, xã Cường Lợi;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Văn Lang: Tại xã Lương Thượng hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liền kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Văn Lang: Kế thừa lịch sử, truyền thống về tên hành chính và kế thừa tên sau sắp xếp theo Nghị quyết số 855/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các ĐVHC cấp xã thuộc tỉnh Bắc Kạn;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Lương Thượng hiện nay: Có vị trí ở trung tâm của ĐVHC mới, trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân; có quỹ đất để quy hoạch và mở rộng không gian phát triển trong tương lai.

28. Thành lập xã Cường Lợi trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã: Xã Văn Vũ và xã Cường Lợi

Thành lập xã Cường Lợi trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Văn Vũ (có diện tích tự nhiên là 89,48 km², quy mô dân số là 3.059 người) và xã Cường Lợi (có diện tích tự nhiên là 28,37 km², quy mô dân số là 2.672 người) của huyện Na Rì để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Cường Lợi có: Diện tích tự nhiên 117,85 km² (đạt 118% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 5.731 người (đạt 458% so với tiêu chuẩn);
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Thượng Quan, xã Văn Lang, xã Na Rì, giáp với tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Cao Bằng;
- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Cường Lợi: Tại xã Cường Lợi hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liền kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;
- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Cường Lợi: Được đặt theo tên ĐVHC cấp xã trước sắp xếp, tạo sự đồng thuận của người dân.
- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Cường Lợi hiện nay: Có trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân; có quỹ đất để quy hoạch và mở rộng không gian phát triển trong tương lai.

29. Thành lập xã Na Rì trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã: Thị trấn Yên Lạc, xã Sơn Thành và xã Kim Lư

Thành lập xã Na Rì trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Yên Lạc (có diện tích tự nhiên là 17,42 km², quy mô dân số là 5.162 người), xã Sơn Thành (có diện tích tự nhiên là 40,21 km², quy mô dân số là 3.545 người) và xã Kim Lư (có diện tích tự nhiên là 55,10 km², quy mô dân số là 2.787 người) của huyện Na Rì để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Na Rì có: Diện tích tự nhiên 112,73 km² (đạt 113% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 11.494 người (đạt 920% so với tiêu chuẩn);
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Cường Lợi, xã Văn Lang, xã Trần Phú và giáp với tỉnh Lạng Sơn;
- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Na Rì: Tại thị trấn Yên Lạc hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liền kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;
- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Na Rì: Kế thừa lịch sử, truyền thống về tên hành chính cấp huyện, mục đích lưu giữ tên gọi của huyện Na Rì;
- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại thị trấn Yên Lạc hiện nay: Là trung tâm hành chính của huyện Na Rì hiện tại, có kết cấu hạ tầng kỹ thuật khá đồng bộ, thuận lợi cho việc đặt trung tâm của ĐVHC mới, tận dụng tối đa cơ sở vật chất, có trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân.

30. Thành lập xã Trần Phú trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã: Xã Văn Minh, xã Cư Lễ và xã Trần Phú

Thành lập xã Trần Phú trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Văn Minh (có diện tích tự nhiên là 38,17 km², quy mô dân số là 1.329 người), xã Cư Lễ (có diện tích tự nhiên là 60,13 km², quy mô dân số là 2.454 người) và xã Trần Phú (có diện tích tự nhiên là 46,99 km², quy mô dân số là 3.266 người) của huyện Na Rì để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Trần Phú có: Diện tích tự nhiên 145,29 km² (đạt 145% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 7.049 người (đạt 564% so với tiêu chuẩn);
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Na Rì, xã Văn Lang, xã Côn Minh và giáp với tỉnh Lạng Sơn;
- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Trần Phú: Tại xã Cư Lễ hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; Có vị trí địa lý liền kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;
- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Trần Phú: Kế thừa lịch sử, truyền thống về tên hành chính và kế thừa tên sau sắp xếp theo Nghị quyết số 855/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các ĐVHC cấp xã thuộc tỉnh Bắc Kạn;
- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Cư Lễ hiện nay: Có vị trí ở trung tâm của ĐVHC mới, trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân; có quỹ đất để quy hoạch và mở rộng không gian phát triển trong tương lai.

31. Thành lập xã Côn Minh trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã: Xã Côn Minh, xã Quang Phong và xã Dương Sơn

Thành lập xã Côn Minh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Côn Minh (có diện tích tự nhiên là 63,72 km², quy mô dân số là 2.890 người), xã Quang Phong (có diện tích tự nhiên là 45,04 km², quy mô dân số là 1.825 người) và xã Dương Sơn (có diện tích tự nhiên là 37,50 km², quy mô dân số là 1.920 người) của huyện Na Rì để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Côn Minh có: Diện tích tự nhiên 146,26 km² (đạt 146% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 6.635 người (đạt 531% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Trần Phú, xã Văn Lang, Vĩnh Thông, xã Cẩm Giàng, xã Tân Kỳ, xã Xuân Dương và giáp với tỉnh Lạng Sơn;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Côn Minh: Tại xã Quang Phong hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liên kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Côn Minh: Được đặt theo tên ĐVHC cấp xã trước sắp xếp;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Quang Phong hiện nay: Có vị trí ở trung tâm của ĐVHC mới, trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân; có quỹ đất để quy hoạch và mở rộng không gian phát triển trong tương lai.

32. Thành lập xã Xuân Dương trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã: Xã Xuân Dương, xã Đồng Xá và xã Liêm Thủy

Thành lập xã Xuân Dương trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Xuân Dương (có diện tích tự nhiên là 35,69 km², quy mô dân số là 2.508 người), xã Đồng Xá (có diện tích tự nhiên là 78,79 km², quy mô dân số là 3.029 người) và xã Liêm Thủy (có diện tích tự nhiên là 45,67 km², quy mô dân số là 1.475 người) của huyện Na Rì để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Xuân Dương có: Diện tích tự nhiên 160,15 km² (đạt 160% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 7.012 người (đạt 561% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Côn Minh, xã Tân Kỳ, xã Yên Bình và giáp với tỉnh Lạng Sơn, tỉnh Thái Nguyên;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Xuân Dương: Tại xã Xuân Dương hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liền kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Xuân Dương: Được đặt theo tên ĐVHC cấp xã trước sắp xếp, tạo sự đồng thuận của người dân;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Xuân Dương hiện nay: Có trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân; có quỹ đất để quy hoạch và mở rộng không gian phát triển trong tương lai; là địa phương gắn với lễ hội văn hóa truyền thống “Chợ tình Xuân Dương”.

33. Thành lập xã Tân Kỳ trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã: Xã Tân Sơn, xã Cao Kỳ và xã Hòa Mục

Thành lập xã Tân Kỳ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân Sơn (có diện tích tự nhiên là 66,81 km², quy mô dân số là 1.782 người), xã Cao Kỳ (có diện tích tự nhiên là 59,27 km², quy mô dân số là 3.369 người) và xã Hòa Mục (có diện tích tự nhiên là 41,74 km², quy mô dân số là 2.567 người) của huyện Chợ Mới để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Tân Kỳ có: Diện tích tự nhiên 167,82 km² (đạt 168% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 7.718 người (đạt 617% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Côn Minh, xã Cẩm Giàng, phường Bắc Kạn, xã Thanh Mai, xã Thanh Thịnh, xã Yên Bình, xã Xuân Dương;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Tân Kỳ: Tại xã Cao Kỳ hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liền kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Tân Kỳ: Trên cơ sở ghép tên 02 xã sáp nhập, tạo sự đồng thuận của người dân;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Cao Kỳ hiện nay: Có trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân; có quỹ đất để quy hoạch và mở rộng không gian phát triển trong tương lai. Riêng xã Tân Sơn hiện tại chỉ có một con đường độc đạo vào xã, trong tương lai gần, sẽ ưu tiên mở đường giao thông mới kết nối với xã Cao Kỳ hiện tại, mở ra không gian phát triển mới, tạo điều kiện cho người dân giao lưu, phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao thu nhập cho người dân của xã sau sáp nhập.

34. Thành lập xã Thanh Mai trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã: Xã Thanh Vận, xã Thanh Mai và xã Mai Lạp

Thành lập xã Thanh Mai trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thanh Vận (có diện tích tự nhiên là 29,79 km², quy mô dân số là 2.475 người); xã Thanh Mai (có diện tích tự nhiên là 40,32 km², quy mô dân số là 3.006 người) và xã Mai Lạp (có diện tích tự nhiên là 40,97 km², quy mô dân số là 1.925 người) của huyện Chợ Mới để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Thanh Mai có: Diện tích tự nhiên 111,08 km² (đạt 111% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 7.406 người (đạt 592% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường Bắc Kạn, xã Bạch Thông, xã Yên Phong, xã Thanh Thịnh, xã Tân Kỳ và giáp với tỉnh Thái Nguyên;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Thanh Mai: Tại xã Thanh Mai hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liền kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Thanh Mai: Được đặt theo tên ĐVHC cấp xã trước sắp xếp, tạo sự đồng thuận của người dân;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Thanh Mai hiện nay: Có vị trí ở trung tâm của ĐVHC mới, trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân; có quỹ đất để quy hoạch và mở rộng không gian phát triển trong tương lai.

35. Thành lập xã Thanh Thịnh trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã: Xã Nông Hạ và xã Thanh Thịnh

Thành lập xã Thanh Thịnh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Nông Hạ (có diện tích tự nhiên là 60,91 km², quy mô dân số là 4.234 người) và xã Thanh Thịnh (có diện tích tự nhiên là 51,40 km², quy mô dân số là 4.568 người) của huyện Chợ Mới để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Thanh Thịnh có: Diện tích tự nhiên 112,31 km² (đạt 112% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 8.802 người (đạt 704% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Yên Bình, xã Tân Kỳ, xã Thanh Mai, xã Chợ Mới và giáp với tỉnh Thái Nguyên;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Thanh Thịnh: Tại xã Nông Hạ hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liền kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Thanh Thịnh: Được đặt theo tên một trong các ĐVHC cấp xã trước sắp xếp;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Nông Hạ hiện nay: Do có trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân; có diện tích đất lớn và tương đối bằng phẳng đáp ứng các điều kiện về quy hoạch và mở rộng không gian phát triển trong tương lai.

36. Thành lập xã Chợ Mới trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã: Thị trấn Đồng Tâm, xã Quảng Chu và xã Như Cố

Thành lập xã Chợ Mới trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Đồng Tâm (có diện tích tự nhiên là 22,82 km², quy mô dân số là 6.457 người), xã Quảng Chu (có diện tích tự nhiên là 49,57 km², quy mô dân số là 4.589 người) và xã Như Cố (có diện tích tự nhiên là 46,59 km², quy mô dân số là 3.173 người) của huyện Chợ Mới để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Chợ Mới có: Diện tích tự nhiên 118,98 km² (đạt 119% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 14.219 người (đạt 1.138% so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Yên Bình, xã Thanh Thịnh và giáp với tỉnh Thái Nguyên;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Chợ Mới: Tại thị trấn Đồng Tâm hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liền kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Chợ Mới: Kế thừa lịch sử, truyền thống về tên hành chính cấp huyện, mục đích lưu giữ lại tên của huyện Chợ Mới;

- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn đặt trụ sở tại thị trấn Đồng Tâm hiện nay: Là trung tâm hành chính của huyện Chợ Mới hiện tại, có kết cấu hạ tầng kỹ thuật khá đồng bộ, thuận lợi cho việc đặt trung tâm của ĐVHC mới, tận dụng tối đa cơ sở vật chất, có trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân.

37. Thành lập xã Yên Bình trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã: Xã Yên Cư, xã Bình Văn và xã Yên Hân

Thành lập xã Yên Bình trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Yên Cư (có diện tích tự nhiên là 47,20 km², quy mô dân số là 3.286 người), xã Bình Văn (có diện tích tự nhiên là 26,67 km², quy mô dân số là 1.624 người) và xã

Yên Hân (có diện tích tự nhiên là 26,84 km², quy mô dân số là 2.126 người) của huyện Chợ Mới để thành lập xã mới.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Yên Bình có: Diện tích tự nhiên 100,71 km² (đạt 101% so với tiêu chuẩn); Quy mô dân số 7.036 người (đạt 563% so với tiêu chuẩn);
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Xuân Dương, xã Tân Kỳ, xã Thanh Thịnh, xã Chợ Mới và giáp với tỉnh Thái Nguyên;
- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Yên Bình: Tại xã Yên Hân hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do đề xuất phương án: Có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc tương đồng; có vị trí địa lý liền kề kết nối giao thông thuận lợi, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của cơ sở;
- Cơ sở và lý do của việc lựa chọn tên gọi xã Yên Bình: Trên cơ sở ghép tên của xã Yên Cư, xã Yên Hân và xã Bình Văn, tạo sự đồng thuận của người dân;
- Cơ sở, lý do việc lựa chọn đặt trụ sở tại xã Yên Hân hiện nay: Có vị trí ở trung tâm của ĐVHC mới, có trục đường giao thông thuận tiện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đảm bảo chính quyền cấp cơ sở gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân.

II. KẾT QUẢ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH BẮC KẠN

Trước khi sắp xếp, tỉnh Bắc Kạn có 108 ĐVHC cấp xã (gồm 95 xã, 06 phường, 07 thị trấn). Sau khi sắp xếp, tỉnh Bắc Kạn còn 37 ĐVHC cấp xã (gồm 35 xã, 02 phường); giảm 71 ĐVHC cấp xã (gồm 60 xã, 04 phường, 07 thị trấn), giảm 65,74% ĐVHC cấp xã hiện tại.

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

Việc sắp xếp, kiện toàn các cơ quan, tổ chức của chính quyền địa phương khi sắp xếp ĐVHC phải bảo đảm nguyên tắc thống nhất và gắn với việc sắp xếp tổ chức Đảng và tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Tổ chức HĐND, UBND, các cơ quan của HĐND, UBND cấp xã sau khi sắp xếp các ĐVHC thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

1.1. Tổ chức đảng, đoàn thể chính trị - xã hội và các tổ chức khác

Việc sắp xếp đối với các cơ quan, tổ chức của Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã: Thực hiện theo hướng dẫn của Trung ương.

1.2. Về cơ cấu tổ chức chính quyền địa phương cấp xã

Chính quyền địa phương cấp xã gồm có HĐND và UBND.

a) HĐND cấp xã thành lập 02 Ban là Ban Pháp chế và Ban Kinh tế - Xã hội.

b) UBND cấp xã thành lập tối đa 04 phòng và tương đương phù hợp với đặc điểm đô thị, nông thôn, gồm: (1) Văn phòng HĐND và UBND, (2) Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường), (3) Phòng Văn hóa - Xã hội, (4) Trung tâm Phục vụ hành chính công (xác định là tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp xã). UBND tỉnh căn cứ vào điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, diện tích tự nhiên, quy mô dân số của ĐVHC để quyết định số lượng cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cho phù hợp (nhưng không vượt quá 04 phòng và tương đương). Trường hợp địa phương tổ chức số lượng cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp xã dưới 03 đầu mối thì có thể bố trí tăng 01 Phó Chủ tịch UBND để trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo.

c) Đối với trường hợp ĐVHC thành lập trên cơ sở nguyên trạng ĐVHC cấp xã (xã Thượng Quan), căn cứ vào điều kiện thực tế để xem xét quyết định số lượng cơ quan chuyên môn thuộc UBND cho phù hợp hoặc không tổ chức các phòng chuyên môn theo hướng dẫn chung (trừ các Ban của HĐND hiện có) mà phân công công chức chuyên môn trực tiếp đảm nhiệm các vị trí việc làm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương cấp xã mới. Trường hợp không tổ chức các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã, UBND tỉnh quyết định tăng biên chế so với số lượng biên chế cán bộ, công chức cấp xã hiện nay để thực hiện các nhiệm vụ mới chuyển giao từ cấp huyện. Dự kiến số lượng biên chế không quá 40 cán bộ, công chức, trong đó tập trung cho công chức trực tiếp đảm nhiệm các lĩnh vực công tác xây dựng Đảng, công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, công tác chính quyền.

d) Tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự ở ĐVHC cấp xã mới sau sắp xếp thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

Kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã có hiệu lực thi hành, HĐND, UBND ở các ĐVHC trước sắp xếp tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐND, UBND ở ĐVHC sau sắp xếp chính thức hoạt động.

1.3. Về số lượng lãnh đạo

a) Lãnh đạo HĐND cấp xã gồm Chủ tịch (chức danh kiêm nhiệm) và 01 Phó Chủ tịch (chức danh chuyên trách).

b) Lãnh đạo UBND cấp xã gồm Chủ tịch (chức danh chuyên trách) và 02 Phó Chủ tịch (01 Phó Chủ tịch kiêm nhiệm chức danh Chánh Văn phòng HĐND và UBND; 01 Phó Chủ tịch kiêm nhiệm chức danh Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công).

c) Các ban của HĐND có Trưởng ban (chức danh kiêm nhiệm) và 01 Phó Trưởng ban (chức danh chuyên trách).

d) Các phòng và tương đương của UBND có Trưởng phòng (*chức danh chuyên trách hoặc do Phó Chủ tịch UBND kiêm nhiệm*) và 01 cấp phó (*chức danh chuyên trách*).

Đối với trường hợp ĐVHC cấp xã giữ nguyên (xã Thượng Quan) và không tổ chức các phòng chuyên môn thì số lượng Phó Chủ tịch UBND cấp xã có thể bố trí tăng thêm 01 Phó Chủ tịch để bảo đảm vai trò lãnh đạo, điều hành của chính quyền trong việc phục vụ người dân, doanh nghiệp.

1.4. Khóa của HĐND ở ĐVHC mới sau sắp xếp được xác định như sau:

a) Trường hợp ĐVHC mới sau sắp xếp giữ nguyên tên gọi của một trong các ĐVHC trước sắp xếp thì khóa của HĐND ở ĐVHC sau sắp xếp tiếp tục tính theo khóa của HĐND ở ĐVHC được giữ nguyên tên gọi.

b) Trường hợp ĐVHC mới sau sắp xếp thay đổi tên gọi hoặc thay đổi loại ĐVHC thì khóa của HĐND ở ĐVHC sau sắp xếp được tính lại từ đầu (khóa I) kể từ thời điểm thành lập.

1.5. Về tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn ĐVHC sau sắp xếp

Việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện hiện nay để chuyển giao, thành lập mới đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã sau sắp xếp thực hiện theo định hướng tại Kết luận số 137-KL/TW và hướng dẫn của các Bộ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực sự nghiệp. Cụ thể:

a) Đối với lĩnh vực giáo dục: Giữ nguyên các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non công lập và chuyển giao cho chính quyền địa phương cấp xã quản lý. Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên thuộc UBND cấp huyện hiện nay sẽ chuyển về Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý và tổ chức lại để thực hiện cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

b) Đối với lĩnh vực y tế: Duy trì các Trạm Y tế xã, phường hiện có để đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn. Căn cứ vào diện tích, quy mô dân số của ĐVHC cấp xã mới, UBND tỉnh có thể tổ chức lại thành 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã để thực hiện nhiệm vụ về phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân trên địa bàn. Đối với các trung tâm y tế, bệnh viện đa khoa thuộc UBND cấp huyện hiện nay sẽ chuyển về Sở Y tế quản lý để sắp xếp, tổ chức cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

c) Sắp xếp, tổ chức 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu cho người dân trên địa bàn (*cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông, nông nghiệp, môi trường,...*)

d) Sắp xếp lại, tổ chức 01 đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên (*Ban quản lý dự án*) thuộc UBND cấp xã để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực xây dựng, phát triển quỹ đất, giải phóng mặt bằng, ...trên địa bàn.

đ) Thực hiện việc cơ cấu lại hoặc giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động không hiệu quả, bảo đảm nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu gắn với cơ cấu lại, giảm viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (*nội dung này UBND tỉnh sẽ có văn bản hướng dẫn cụ thể*).

1.6. Chính quyền địa phương ở ĐVHC cấp xã sau sắp xếp hoàn thành xong việc kiện toàn tổ chức bộ máy và chính thức đi vào hoạt động chậm nhất là ngày **15/8/2025**.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC

2.1. Hiện trạng số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh (*bao gồm khối Đảng, đoàn thể*), cụ thể như sau²:

a) Tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện: 7.141 người.

- Tổng số người lao động cấp huyện: 127 người.

- Tổng số cán bộ, công chức cấp xã: 2.055 người.

Cụ thể như sau:

TT	Chức danh	Số lượng		Ghi chú
		Số được giao	Số có mặt	
I.	Cấp huyện			
1	Cán bộ	203	194	
2	Công chức	759	689	
3	Viên chức	6.552	6.258	
<i>Tổng cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện (1+2+3)</i>		7.514	7.141	
4	Người lao động	158	127	
Tổng (I)		7.672	7.268	
II.	Cấp xã			
1	Cán bộ	2.188	1.057	
2	Công chức		998	
Tổng (II)		2.188	2.055	
Tổng (I+II)		9.860	9.323	

² Số liệu theo biểu Phụ lục 05 kèm theo Công văn số 626/SNV-TCBC,CCHC&QLVTLT ngày 13/4/2025 của Sở Nội vụ tỉnh Bắc Kạn về việc gửi số liệu xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

b) Tổng số người hoạt động không chuyên trách của 108 ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp: 922 người.

c) Đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2021 - 2026: 1.792 đại biểu.

2.2. Phương án sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại 37 ĐVHC cấp xã mới hình thành sau sắp xếp

a) Về tiêu chuẩn của chức vụ, chức danh và vị trí việc làm đối với cán bộ, công chức, viên chức ở cấp xã mới:

- Tiêu chuẩn của chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý cấp xã áp dụng như đối với tiêu chuẩn của chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý tương ứng của cấp huyện hiện nay theo quy định hiện hành của Chính phủ;

- Đối với công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ cấp xã áp dụng tiêu chuẩn trình độ đào tạo theo yêu cầu vị trí việc làm đối với công chức, viên chức từ cấp huyện trở lên theo quy định của Chính phủ.

b) Phương án sắp xếp, bố trí

- Số lượng cán bộ, công chức, viên chức của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp không vượt quá tổng số cán bộ, công chức có mặt tại các ĐVHC cấp xã trước sắp xếp, không kể số lượng cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện được bố trí làm việc tại ĐVHC cấp xã (*đối với cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện thực hiện bố trí, sắp xếp theo Đề án kết thúc hoạt động của chính quyền cấp huyện*). Cụ thể:

- + Chuyển 100% biên chế cấp huyện hiện có để bố trí biên chế cấp xã, trong đó đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp huyện hiện nay được bố trí làm nòng cốt tại các đơn vị cấp xã mới; có thể tăng cường cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh về cấp xã;

- + Căn cứ vào điều kiện thực tiễn và tiêu chuẩn, năng lực cán bộ, công chức, viên chức của cấp huyện và cán bộ, công chức của cấp xã hiện nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh xem xét, quyết định việc sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức ở cấp xã mới theo phân cấp thẩm quyền quản lý;

- + Trước mắt giữ nguyên số lượng biên chế cán bộ, công chức, viên chức của cấp huyện, cấp xã hiện có để bố trí làm việc tại cấp xã và thực hiện việc rà soát, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản theo đúng quy định của Chính phủ; dự kiến biên chế bình quân của mỗi xã khoảng 32 biên chế³ (chưa bao gồm khối đảng, đoàn thể);

³ Dự kiến 32 biên chế của chính quyền địa phương cấp xã bố trí như sau:

(1) HĐND cấp xã 03 biên chế gồm 01 PCT HĐND và 02 Phó Ban chuyên trách của HĐND (*Chủ tịch HĐND và Trưởng ban của HĐND cấp xã là chức danh kiêm nhiệm*);

(2) UBND cấp xã 02 biên chế gồm 02 PCT UBND (*Chủ tịch UBND kiêm nhiệm chức danh Phó Bí thư đảng ủy cấp xã*);

+ Tại thời điểm sắp xếp, số lượng Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND, cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực thuộc có thể nhiều hơn số lượng so với quy định. Chậm nhất là 05 năm kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã có hiệu lực thi hành, số lượng và việc bố trí lãnh đạo, quản lý, số lượng cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, tổ chức ở ĐVHC sau sắp xếp thực hiện theo quy định.

- Kết thúc việc sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hiện nay kể từ ngày 01/8/2025; có thể sắp xếp, bố trí người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tham gia công tác tại thôn, tổ dân phố và thực hiện chế độ, chính sách đối với các trường hợp không bố trí công tác theo quy định;

- Đối với viên chức sự nghiệp giáo dục: Để đảm bảo kế hoạch năm học 2025 - 2026, đội ngũ viên chức sự nghiệp giáo dục được bố trí ổn định nguyên trạng theo kế hoạch năm học 2024 - 2025 trên cơ sở tổng số viên chức trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục hiện có mặt tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp. Việc bố trí số lượng viên chức theo đúng định mức, đảm bảo thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức;

- Đối với viên chức y tế: Để đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân, đội ngũ viên chức y tế được bố trí ổn định nguyên trạng;

- Đối với 1.792 đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2021 - 2026: Đại biểu HĐND được hợp thành đại biểu HĐND của ĐVHC mới hình thành và tiếp tục hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ 2021 - 2026 theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC

3.1. Phương án giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC

a) Cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện và cấp xã khi được bố trí vào các chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý tại ĐVHC cấp xã mới tiếp tục giữ phụ cấp chức vụ lãnh đạo hiện hưởng trong thời gian 06 tháng kể từ ngày có quyết định; sau đó thực hiện theo quy định mới của Chính phủ. Trường hợp công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại ĐVHC cấp xã mới thì tạm thời chưa áp dụng mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo và sẽ thực hiện khi có quy định của Chính phủ về hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý đó.

(3) 04 phòng và tương đương: (1) Lãnh đạo phòng 08 biên chế (Trưởng phòng và 01 Phó phòng); (2) 03 Phòng bố trí mỗi phòng 04 biên chế, riêng Trung tâm phục vụ hành chính công bố trí 07 biên chế.

(4) Chính phủ sẽ căn cứ quy mô dân số, diện tích tự nhiên của các ĐVHC cấp xã sau sắp xếp và trên cơ sở đề xuất của địa phương để xây dựng tiêu chí bố trí biên chế cán bộ, công chức xã theo vị trí việc làm và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

b) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi được bố trí công tác ở ĐVHC mới thì tiếp tục được hưởng lương theo ngạch, bậc và các chế độ phụ cấp lương hiện hưởng trong thời gian 06 tháng; sau đó thực hiện theo quy định mới của Chính phủ.

c) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quá trình sắp xếp mà có đơn tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền thực hiện việc rà soát, đánh giá và thực hiện chính sách, chế độ theo quy định hiện hành của Chính phủ, bảo đảm giữ được người có năng lực nổi trội, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

d) Trường hợp cán bộ, công chức ở cấp huyện và cấp xã không đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện để được bố trí đảm nhiệm vị trí việc làm ở cấp xã mới thì được giải quyết chế độ, chính sách theo quy định hiện hành của Chính phủ.

3.2. Lộ trình giải quyết chế độ, chính sách sau sắp xếp ĐVHC⁴

- Số lượng cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện và cấp xã hiện có (số có mặt): 9.196 cán bộ, công chức, viên chức, trong đó:

+ Cấp huyện: 7.141 cán bộ, công chức, viên chức (*194 cán bộ; 689 công chức, 6.258 viên chức*);

+ Cấp xã: 2.055 cán bộ, công chức (*1.057 cán bộ; 998 công chức*).

- Lộ trình giải quyết chế độ, chính sách sau sắp xếp ĐVHC như sau:

TT	Đối tượng	Tổng	Nghỉ theo chế độ hưu trí (đúng tuổi)	Tinh giản biên chế hoặc thôi việc theo ND số 67/2025/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung ND 178)	Thôi việc ngay	Dự kiến năm thực hiện				
						2025	2026	2027	2028	2029
	1	2 (3+4+5)	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Cấp huyện									
	Cán bộ	37	0	37	0	37				
	Công chức	86	0	86	0	61	10	3	4	8
	Viên chức	40	0	40	0	27	9	2	1	1
2	Cấp xã									
	Cán bộ	361	0	234	127	333	16	4	2	6
	Công chức	227	0	100	127	181	20	8	5	13

⁴ Số liệu theo biểu Phụ lục 05 kèm theo Công văn số 626/SNV-TCBC, CCHC&QLVTLT ngày 13/4/2025 của Sở Nội vụ tỉnh Bắc Kạn về việc gửi số liệu xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Việc bố trí, sử dụng trụ sở, xử lý tài chính, tài sản công sau sắp xếp ĐVHC thực hiện theo quy định của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài chính, tài sản công và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

2. Sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các Bộ, ngành Trung ương có liên quan, trước ngày 15/9/2025, tỉnh Bắc Kạn (Chính quyền địa phương cấp tỉnh trước sắp xếp) và sau ngày 15/9/2025, tỉnh Thái Nguyên (Chính quyền địa phương cấp tỉnh nơi dự kiến bố trí trụ sở hành chính của ĐVHC mới sau sắp xếp) sẽ thực hiện việc xử lý tài sản, trụ sở làm việc dôi dư của các ĐVHC cấp xã và có phương án chuyển đổi, quản lý, sắp xếp và sử dụng có hiệu quả, không để xảy ra lãng phí, tiêu cực hoặc để tài sản, trụ sở hư hỏng, xuống cấp; cân đối, bố trí nguồn ngân sách để đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc được tiếp tục sử dụng phục vụ hoạt động của ĐVHC sau sắp xếp; hướng dẫn, tạo điều kiện để chính quyền địa phương cấp xã sau sắp xếp cân đối ngân sách để đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc, bảo đảm điều kiện làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị tại ĐVHC cấp xã.

3. Về lộ trình thực hiện sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất (trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị do thực hiện sắp xếp ĐVHC, cụ thể như sau:

- Trụ sở các sở, ngành cấp tỉnh của tỉnh Bắc Kạn trước khi sáp nhập: Ưu tiên bố trí để làm trụ sở các phường thuộc địa phận thành phố Bắc Kạn trước khi sáp nhập (bảo đảm theo đúng tiêu chuẩn, định mức); xác định tài sản dôi dư (không còn nhu cầu sử dụng theo cơ cấu tổ chức bộ máy mới) hoặc thuộc trường hợp phải xử lý theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công để lập hồ sơ đề nghị xử lý, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định xử lý theo quy định;

- Trụ sở các ĐVHC cấp huyện trước sắp xếp: Ưu tiên bố trí để làm trụ sở các xã mới thuộc địa phận các huyện trước sắp xếp (bảo đảm theo đúng tiêu chuẩn, định mức); xác định tài sản dôi dư (không còn nhu cầu sử dụng theo cơ cấu tổ chức bộ máy mới) hoặc thuộc trường hợp phải xử lý theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công để lập hồ sơ đề nghị xử lý, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định xử lý theo quy định;

- Đối với các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học, mầm non, trạm y tế thực hiện giữ nguyên như hiện trạng và chuyển giao cho cấp có thẩm quyền theo quy định quản lý để đảm bảo công tác giáo dục, chăm sóc sức khỏe của người dân tại địa bàn cơ sở. Cơ quan, đơn vị và địa phương đang quản lý, sử dụng tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật;

- Đối với trụ sở của các ngành dọc của Trung ương đóng trên địa bàn thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền của tỉnh sẽ có trách nhiệm phối hợp thực hiện theo quy định.

V. PHƯƠNG ÁN, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP (NẾU CÓ)

1. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang trên địa bàn ĐVHC sau sắp xếp tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo ĐVHC như thời điểm trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

2. Giữ nguyên phạm vi, đối tượng và nội dung của các chế độ, chính sách theo quy định của Trung ương và địa phương áp dụng đối với ĐVHC như trước thời điểm sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trường hợp có thay đổi tên gọi của ĐVHC sau sắp xếp thì sử dụng tên gọi mới của ĐVHC để tiếp tục tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Các sở, ngành của tỉnh

1.1. Sở Nội vụ

a) Là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh triển khai thực hiện Đề án; tiếp nhận, tổng hợp, xử lý các vấn đề liên quan đến việc xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo Nghị quyết 60-NQ/TW, Kết luận số 127-KL/TW, Kết luận số 137-KL/TW, Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025; Kế hoạch số 305-KH/TU; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan kịp thời hướng dẫn, giải đáp, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn của các địa phương trong quá trình thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tổng hợp xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo Nghị quyết 60-NQ/TW, Kết luận số 127-KL/TW, Kết luận số 137-KL/TW, Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15; tham mưu báo cáo cấp có thẩm quyền theo chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh;

c) Chủ động nghiên cứu, tham mưu xây dựng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, định biên của chính quyền địa phương cấp xã; quy định mối quan hệ công tác giữa chính quyền cấp tỉnh và cấp xã theo văn bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh;

d) Xây dựng Phương án sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các ĐVHC cấp xã sau sắp xếp; đề xuất chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã do ảnh hưởng trực tiếp khi thực hiện Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã (nếu có), tham mưu UBND tỉnh báo cáo Đảng ủy UBND tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cùng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã;

1.2. Công an tỉnh

a) Rà soát, cung cấp số liệu về quy mô dân số bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú tại ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh, gửi Sở Nội vụ và UBND các địa phương để làm căn cứ xây dựng đề án.

b) Hướng dẫn thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới, thay đổi địa chỉ cư trú công dân do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, căn cước và định danh điện tử; việc rà soát, cung cấp số liệu về nhân khẩu thực tế tại ĐVHC và hướng dẫn tháo gỡ vướng mắc trong lĩnh vực lý lịch tư pháp; thực hiện các nội dung khác có liên quan;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan theo dõi, nắm tình hình, kịp thời phát hiện, chủ động tham mưu cấp ủy, chính quyền các cấp lãnh đạo, chỉ đạo xử lý, giải quyết các vấn đề phát sinh, bảo đảm giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong quá trình triển khai thực hiện chủ trương, định hướng của Trung ương về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị của tỉnh.

1.3. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

a) Chủ trì, xây dựng phương án khu vực phòng thủ quân sự khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; hướng dẫn việc tổ chức xây dựng lực lượng dân quân tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp, sáp nhập.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan theo dõi, nắm tình hình, kịp thời phát hiện, chủ động tham mưu cấp ủy, chính quyền các cấp lãnh đạo, chỉ đạo xử lý, giải quyết các vấn đề phát sinh, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

1.4. Văn phòng UBND tỉnh

a) Phối hợp với các đơn vị liên quan chuẩn bị các nội dung để Đảng ủy, UBND tỉnh cho ý kiến về Đề án.

b) Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu Đảng ủy UBND tỉnh báo cáo, xin ý kiến Ban Chỉ đạo, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh chỉ đạo các nội dung liên quan đến Đề án.

1.5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Cung cấp số liệu diện tích tự nhiên theo kết quả thống kê, kiểm kê đất đai của từng ĐVHC cấp huyện, cấp xã, gửi Sở Nội vụ có căn cứ xây dựng Đề án;

b) Chủ trì, tham mưu các nội dung liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên và môi trường trong Đề án thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo Nghị quyết 60-NQ/TW, Kết luận số 127-KL/TW, Kết luận số 137-KL/TW.

1.6. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn việc sử dụng kinh phí sắp xếp ĐVHC. Tổng hợp, thẩm định dự toán kinh phí đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất (nếu có), báo cáo UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã, không tổ chức ĐVHC cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo Nghị quyết 60-NQ/TW, Kết luận số 127-KL/TW, Kết luận số 137-KL/TW; đảm bảo nguồn kinh phí thường xuyên cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đạt kết quả;

b) Chủ trì, tham mưu nội dung liên quan đến lĩnh vực tài chính (rà soát, xử lý tài chính, tài sản công: lập danh sách, dự kiến phương án xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý...) trong Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo Nghị quyết 60-NQ/TW, Kết luận số 127-KL/TW, Kết luận số 137-KL/TW, gửi Sở Nội vụ tổng hợp xây dựng Đề án;

c) Hướng dẫn việc thực hiện các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công phù hợp với lộ trình, kế hoạch sắp xếp ĐVHC cấp xã;

d) Hướng dẫn việc thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép kinh doanh của tổ chức, cá nhân; việc thực hiện quy định về miễn phí, lệ phí khi thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp do thay đổi địa giới hành chính, tên gọi ĐVHC cấp xã khi sắp xếp ĐVHC cấp xã; việc xử lý tài sản, trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức tại các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp.

1.7. Sở Dân tộc và Tôn giáo

a) Hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp; hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với ĐVHC cấp xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; rà soát, xác định khu vực III, II, I, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại ĐVHC thực hiện sắp xếp;

b) Hướng dẫn UBND cấp huyện, cấp xã giải quyết những vấn đề cụ thể phát sinh về lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo trong việc sắp xếp ĐVHC cấp xã.

1.8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành; UBND các địa phương có liên quan cung cấp thông tin cho cơ quan báo chí thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên

truyền nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp Nhân dân trong việc xin ý kiến Nhân dân về Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã;

b) Hướng dẫn việc rà soát, điều chỉnh và thực hiện việc xác định ĐVHC hình thành sau sắp xếp có di tích được công nhận, xếp hạng là di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới hoặc di tích lịch sử quốc gia đặc biệt.

1.9. Sở Tư pháp

a) Rà soát các nhóm nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của UBND, Chủ tịch UBND cấp huyện; chủ động đề xuất phân cấp khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh và cấp xã mới với quy mô rộng lớn hơn); đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt, khó khăn, vướng mắc, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh các nội dung khác theo thẩm quyền;

b) Hướng dẫn các địa phương thực hiện công tác đăng ký, quản lý nuôi con nuôi, hộ tịch; hướng dẫn theo thẩm quyền việc áp dụng pháp luật về các nội dung liên quan khi thực hiện thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC thực hiện sắp xếp;

c) Sở Tư pháp - Cơ quan Thường trực Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh chủ trì, hoàn thiện đề cương tuyên truyền liên quan đến Đề án sắp xếp ĐVHC, gửi UBND cấp xã để tuyên truyền, phổ biến khi thực hiện lấy ý kiến Nhân dân.

1.10. Sở Y tế

a) Chủ trì, tham mưu xây dựng phương án sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ công chức, viên chức, người lao động thuộc ngành y tế tại ĐVHC sau sắp xếp;

b) Chủ trì, hướng dẫn về sắp xếp, tổ chức lại cơ sở y tế tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp, tổ chức lại.

1.11. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chỉ đạo rà soát, đề xuất việc sắp xếp hợp lý các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã, phường sau sắp xếp;

b) Tham mưu xây dựng phương án sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ công chức, viên chức, người lao động thuộc ngành giáo dục tại ĐVHC sau sắp xếp;

c) Hướng dẫn bảo đảm duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục, đào tạo công lập tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp, tổ chức lại.

1.12. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu xây dựng phương án quy hoạch phát triển đô thị, quy hoạch phát triển các ĐVHC đô thị (phường), quy hoạch nông thôn và các quy hoạch khác có liên quan

bảo đảm phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới (không tổ chức cấp huyện), đáp ứng yêu cầu khi sắp xếp ĐVHC cấp xã cần xác định rõ mô hình chính quyền địa phương cấp xã đối với khu vực đô thị và khu vực nông thôn. Tham mưu, đánh giá, hướng dẫn về sự phù hợp của sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã đối với chương trình phát triển đô thị, quy hoạch đô thị đã được phê duyệt; tiêu chuẩn về phân loại đô thị, trình độ phát triển cơ sở hạ tầng của các ĐVHC đô thị khi thực hiện sắp xếp;

b) Cung cấp báo cáo hiện trạng quy hoạch về giao thông tại các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp; tham mưu UBND tỉnh trong việc quy hoạch, đầu tư xây dựng các công trình giao thông tại các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp đảm bảo hệ thống giao thông tại địa bàn ĐVHC mới hình thành có sự kết nối, đồng bộ, tạo điều thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước và các hoạt động sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt của Nhân dân.

1.13. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bắc Kạn, Cổng thông tin điện tử tỉnh: Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, thường xuyên đưa tin, bài trên các ấn phẩm báo chí, chương trình phát thanh truyền hình, tuyên truyền tạo sự đồng thuận trong Nhân dân về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã.

1.14. Các sở, ngành liên quan

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý, phối hợp cung cấp các thông tin, số liệu, các chính sách đặc thù đang thực hiện đối với ĐVHC thực hiện sắp xếp theo đề nghị của các địa phương trong quá trình xây dựng Đề án;

b) Tham mưu, hướng dẫn công tác bàn giao, tiếp nhận, chuyển đổi các loại giấy tờ, địa chỉ cho Nhân dân, cơ quan, doanh nghiệp; các chế độ, chính sách đặc thù đối với ĐVHC do cơ quan tham mưu, phụ trách;

c) Phối hợp hướng dẫn việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, công chức, viên chức theo ngành, lĩnh vực quản lý tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp;

d) Tổ chức thực hiện các nội dung công việc theo chức năng của đơn vị và nhiệm vụ được giao, đảm bảo đúng quy định và lộ trình công việc.

2. UBND các huyện, thành phố

a) Tổ chức thông tin, tuyên truyền nội dung sắp xếp ĐVHC trên địa bàn; thực hiện các nội dung công việc được giao, đảm bảo đúng quy định của pháp luật và lộ trình công việc; tham gia đóng góp ý kiến đối với Đề án chi tiết sắp xếp ĐVHC cấp xã của địa phương; hướng dẫn, chỉ đạo UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến Nhân dân; kiểm tra, tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo UBND tỉnh;

b) Phối hợp với Sở Nội vụ hoàn thiện hồ sơ tham mưu UBND tỉnh trình HĐND cùng cấp ban hành Nghị quyết thông qua chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Bắc Kạn năm 2025; Nghị quyết sắp xếp, nhập tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên;

c) Căn cứ chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh, chủ động rà soát, tổ chức triển khai các công việc thuộc thẩm quyền, có liên quan trong quá trình xây dựng Phương án, Đề án đảm bảo tiến độ, thời gian quy định.

3. UBND các xã, phường, thị trấn

a) Thông tin, tuyên truyền về sắp xếp ĐVHC trên địa bàn; thực hiện công việc được giao, đảm bảo đúng quy định của pháp luật và lộ trình; hướng dẫn các thôn, tổ dân phố tổ chức lấy ý kiến Nhân dân; kiểm tra, tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo UBND cấp huyện; thực hiện bàn giao, tiếp nhận hồ sơ, tài liệu, cơ sở vật chất... sau sắp xếp;

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong sinh hoạt và giao dịch ở ĐVHC sau khi sắp xếp, chuyển đổi các loại giấy tờ cho Nhân dân, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp theo thẩm quyền.

4. Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các Huyện ủy, Thành ủy chỉ đạo UBND các huyện, thành phố chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung liên quan trong việc sắp xếp ĐVHC cấp xã, không tổ chức ĐVHC cấp huyện theo Nghị quyết 60-NQ/TW, Kết luận số 127-KL/TW; Kết luận số 137-KL/TW; xây dựng phương án sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các ĐVHC mới sau sắp xếp; xây dựng phương án tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc khối đảng, đoàn thể cấp huyện theo Đề án kết thúc hoạt động của tổ chức cấp huyện theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất cao về nhận thức và hành động trong thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã, không tổ chức ĐVHC cấp huyện theo Nghị quyết 60-NQ/TW, Kết luận số 127-KL/TW, Kết luận số 137-KL/TW và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan Trung ương; chỉ đạo, hướng dẫn các nội dung về tổ chức bộ máy và hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại các ĐVHC sau sắp xếp, tổ chức lại.

6. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

Chỉ đạo, định hướng các cơ quan truyền thông tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền chủ trương, mục đích của việc xây dựng Phương án, Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã, không tổ chức ĐVHC cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo Nghị quyết 60-NQ/TW, Kết luận số 127-KL/TW, Kết luận số 137-KL/TW và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan Trung ương, của tỉnh nhằm lan tỏa, tạo sự đồng thuận trong xã hội, các cấp, các ngành, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp Nhân dân.

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

a) Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Bắc Kạn nhằm thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Kế hoạch của Chính phủ và các kế hoạch, chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh Bắc Kạn về sắp xếp, sáp nhập ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

b) Sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Bắc Kạn là cần thiết nhằm tổ chức hợp lý ĐVHC mới sau sắp xếp, phù hợp với thực tiễn khi không tổ chức ĐVHC cấp huyện; bảo đảm bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh, gọn, mạnh, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; tinh giản biên chế; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; mở rộng không gian phát triển, bảo đảm quốc phòng, an ninh, góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân;

c) Việc sắp xếp ĐVHC cấp xã tỉnh Bắc Kạn đã đảm bảo thực hiện đúng các chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật, phù hợp với thực tiễn tại địa phương và được sự đồng thuận của người dân.

2. Kiến nghị, đề xuất

Đề nghị Bộ Nội vụ thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định.

Trên đây là Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Bắc Kạn năm 2025. UBND tỉnh Bắc Kạn kính trình Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

(Các phụ lục kèm theo, gồm: Phụ lục 2.1; Phụ lục 2.3; Phụ lục 2.4; Phụ lục 2.5; Phụ lục 2.6)./.

Nơi nhận:

Gửi bản giấy:

- Bộ Nội vụ;
- Sở Nội vụ (03b)

Gửi bản điện tử:

- Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức TV;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- LĐVP;
- Cổng TTĐT tỉnh (đăng tải);
- Các phòng NCTH;
- Lưu: VT, NCPC (Hòa).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đăng Bình